TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26 /2020/DS-PT
Ngày 11- 02- 2020
V/v Tranh chấp chia thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Minh Hoàng.
Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thu Hồng;
Bà Đặng Mạnh Cẩm Yến.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Lê Hồng Hòa - Thư ký TAND Thành phố Hà Nội.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội***: Bà Nguyễn Mai Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 11/02/2020, tại trụ sở TAND Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 292/2019/TLPT-DS ngày 12/9/2019 về: "Tranh chấp chia thừa kế".

Do bản án sơ thẩm số 07/2019/DSST ngày 20/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 342/2019/QĐXX-PT ngày 05 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đình Châu, sinh năm 1937. Cư trú tại: Thôn Vực, xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội. Có mặt;

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Đình Thông, sinh năm 1964. Cư trú tại: Thôn Vực, xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội. Có mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Đỗ Minh Hiển, bà Lê Thị Bích Lan - Luật sư Văn phòng luật sư JVN, Đoàn luật sư TP Hà Nội. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị Thường, sinh năm 1947. Có mặt;

3.2. Bà Nguyễn Thị Chung, sinh năm 1941 - Bà Chung đã chết ngày 29/12/2019. Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Chung là anh Nguyễn Đình Thông (con đẻ duy nhất của bà Chung). Có mặt anh Thông.

3.3. Chị Nguyễn Thị Hải Yến, sinh năm 1972. Vắng mặt;

3.4. Anh Nguyễn Đình Thắng, sinh năm 1991. Có mặt;

3.5. Chị Nguyễn Thị Mai Phương, sinh năm 1992. Vắng mặt;

3.6. Anh Nguyễn Đình Thái, sinh năm 2000. Vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Thôn Vực, xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội.

4. Người kháng cáo:

4.1. Ông Nguyễn Đình Châu - là nguyên đơn. Có mặt;

4.2. Anh Nguyễn Đình Thông - là bị đơn. Có mặt;

4.3. Bà Nguyễn Thị Chung - Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Chung là anh Nguyễn Đình Thông; chị Nguyễn Thị Hải Yến; anh Nguyễn Đình Thắng; chị Nguyễn Mai Phương; anh Nguyễn Đình Thái và bà Nguyễn Thị Thường – Là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Có mặt: Anh Thông, bà Thường, anh Thắng, Vắng mặt: Chị Hải Yến, chị Mai Phương, anh Thái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:

1. Nguyên đơn – ông Châu trình bày:

Bố mẹ đẻ ông là cụ Nguyễn Thuyết Trọng (chết năm 1971) và cụ Vũ Thị Tuy (chết năm 2002) có 03 người con chung là: Ông (Châu), ông Nguyễn Đình Thưởng và bà Nguyễn Thị Thường. Ông Thưởng chết năm 1969; có vợ là bà Chung và con đẻ là anh Thông. Ngoài ra hai cụ không có con nuôi, con riêng nào khác.

Hai cụ có thửa đất số 159, tờ bản đồ số 03, diện tích 406m^2 (đo thực tế hiện nay là 371,6m^2) tại: Thôn Vực, xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội (*Sau đây viết tắt là*: thửa đất số 159). Ngoài ra, hai cụ không còn tài sản chung nào khác. Gia đình cùng ở trên thửa đất số 159 đến năm 1947 đi tản cư. Năm 1954 trở về thì chỉ còn đất, nhà không còn. Nên phải đến ở nhờ nhà cụ Duyệt (là anh ruột cụ Trọng) cùng thôn Vực. Năm 1960, ông Thưởng kết hôn với bà Chung; năm 1963 ông kết hôn với bà Phạm Thị Lộc cả gia đình vẫn sống chung tại nhà đất của cụ Duyệt. Năm 1965, bà Thường kết hôn về nhà chồng ở. Năm 1966, vợ chồng ông Thưởng làm nhà 4 gian tại thửa đất số 159 chuyển về sinh sống tại đó. Năm 1969, ông Thưởng hy sinh; vợ con ông Thưởng tiếp tục sinh sống tại nhà đất này.

Năm 1971, cụ Trọng chết; không để lại di chúc. Năm 1980, cụ Tuy về ở với vợ con ông Thưởng. Năm 2002, cụ Tuy chết để lại di chúc với nội dung: Phân chia thửa đất số 159 cho ông Châu, bà Thường mỗi người 48m^2, anh Nguyễn Đình Thông 200m^2, ngõ đi chung 100m^2. Di chúc này có ông Bùi Xuân Tưởng, bà Nguyễn Thị Chiêu đều ở thôn Vực làm chứng. Ông có nghe nói trước đây cụ Tuy đã viết giấy cho anh Thông toàn bộ thửa đất số 159 nhưng ông không biết và không chấp nhận.

Sau khi cụ Tuy chết, ông Châu, bà Thường và anh Thông cùng thống nhất thực hiện di chúc năm 2002 của cụ Tuy để lại. Khi ông và bà Thường đến nhận phần đất của mình thì gia đình anh Thông đã làm nhà 03 tầng, 03 gian nhà trọ lợp tôn, 02 gian nhà trọ trước nhà chính lợp tôn, bể cảnh, bể lọc nước, cổng, sân gạch

trên toàn bộ thửa đất số 159 và kiên quyết không trả lại đất cho ông bà.

Nay ông xác định di chúc của cụ Tuy không hợp pháp, yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật di sản của bố mẹ để lại là thửa đất số 159 với diện tích thực tế còn lại là 371,6m^2 và xin hưởng bằng hiện vật.

2. Bị đơn – anh Thông trình bày:

Về quan hệ huyết thống, thời gian chết của cụ Trọng, cụ Tuy đúng như trình bày của nguyên đơn. Ông Thưởng và bà Chung chỉ có 01 người con chung duy nhất là anh (Thông). Ông Thưởng hy sinh năm 1969 không để lại di chúc.

Tại bản tự khai ngày 27/12/2018 (BL 41) anh khai: Ông bà nội anh có hai thửa đất gồm: Thửa đất số 67, diện tích 494m^2 tại thôn Vực, xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội (*Sau đây viết tắt là*: thửa đất số 67) hiện ông Châu đang quản lý và thửa đất số 159 hiện gia đình anh đang quản lý. Trong các phiên hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm thì anh trình bày: "*...ngoài thửa đất anh đang quản lý sử dụng là của cụ Tuy để lại, ông bà nội anh không còn tài sản nào khác*". Kể từ khi anh sinh ra, anh ở cùng bố mẹ, ông bà nội và ông Châu trên nhà đất tại thửa đất số 67. Năm 1971, cụ Trọng chết không để lại di chúc. Năm 1972, bà Chung làm nhà 4 gian trên thửa đất số 159 của cụ Tuy. Sau khi xây xong, mẹ con anh cùng cụ Tuy về tại nhà đất này từ đó tới nay. Năm 1990, anh kết hôn với chị Nguyễn Thị Hải Yến, vợ chồng anh ở cùng cụ Tuy, bà Chung tại nhà đất này. Năm 2002, vợ chồng anh cùng bà Chung dỡ ngôi nhà 4 gian cũ xây nhà 3 tầng. Cùng năm 2002 cụ Tuy chết nhưng năm 1993, cụ Tuy đã lập di chúc cho anh sử dụng toàn bộ thửa đất số 159. Sau khi cụ Tuy chết, vợ chồng anh và bà Chung tiếp tục xây 05 gian nhà lợp tôn, bể nước, sân gạch và tôn nền toàn bộ thửa đất cao lên khoảng 1,5m như hiện nay. Gia đình anh có bà Chung, vợ chồng anh cùng các con của anh là Nguyễn Đình Thắng, Nguyễn Mai Phương (vợ Thắng), Nguyễn Đình Thái cùng sinh sống ngoài ra không có ai khác. Các con của anh chỉ ở cùng trên đất, không đóng góp công sức gì. Sau này, anh được biết năm 2002, cụ Tuy đã lập di chúc chia thửa đất số 159 với nội dung như ông Châu trình bày nhưng anh không nhất trí di chúc này.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì anh cho rằng đây là tài sản của các cụ để lại, hiện nay gia đình anh đang quản lý, sử dụng. Anh có nguyện vọng được tiếp tục quản lý, sử dụng và xin biếu ông Châu, bà Thường mỗi người 100.000.000 đồng. Nếu ông Châu, bà Thường không đồng ý thì đề nghị Tòa án căn cứ quy định pháp luật giải quyết.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

3.1. Bà Nguyễn Thị Thường trình bày

Bà nhất trí toàn bộ với ý kiến trình bày của ông Châu về quan hệ huyết thống cũng như tài sản của cụ Tuy, cụ Trọng để lại. Bà đề nghị Tòa án giải quyết theo

quy định pháp luật, nguyện vọng của bà xin được hưởng bằng hiện vật và tặng cho ông Châu 10m^2 đất từ kỷ phần bà được hưởng.

3.2. Bà Nguyễn Thị Chung (khi còn sống) trình bày:

Bà kết hôn với ông Thưởng năm 1959 và về ở cùng bố mẹ ông Thưởng tại nhà đất hiện nay ông Châu đang quản lý. Ông bà có 01 người con chung duy nhất là anh Thông. Bà nhất trí với trình bày của anh Thông. Xác định bà cùng vợ chồng anh Thông đã dỡ và xây dựng nên các công trình như hiện nay và đóng thuế sử dụng đất kể từ khi sử dụng cho đến nay. Các công trình trên đất và công sức tôn tạo đất là công sức của bà và vợ chồng anh Thông; các con anh Thông không có đóng góp gì. Bà đề nghị công sức của bà được hưởng, bà để lại cho anh Thông.

3.3. Chị Nguyễn Thị Hải Yến, anh Nguyễn Đình Thắng, anh Nguyễn Đình Thái, chị Nguyễn Mai Phương thống nhất trình bày:

Nhất trí với ý kiến trình bày của anh Thông, bà Chung. Đề nghị Tòa án giải quyết bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của gia đình anh Thông. Phần công sức mà chị Yến được hưởng thì đề nghị Tòa án giao cho anh Thông.

* Biên bản định giá ngày 22/01/2019, Hội đồng định giá xác định:

Diện tích đo thực tế thửa đất số 159 là 371,6 m^2. Giá trị Quyền sử dụng đất là 35.000.000 đồng/m^2

Giá trị xây dựng:

+ Nhà 3 tầng trị giá 505.311.625 đồng;

+ Nhà lợp tôn trị giá 53.377.643 đồng;

+ Nhà lợp tôn trị giá 35.385.179 đồng;

+ Nhà cạnh cổng lợp proximang trị giá 11.303.881 đồng;

+ Mái vẩy tôn trị giá 9.879.000 đồng;

+ Bể lọc nước trị giá 2.454.318 đồng;

+ Bể trị giá 4.207.402 đồng;

+ Tường rào (phía trước nhà 3 tầng) trị giá 727.494 đồng;

+ Tường rào phía Bắc trị giá 5.214.327 đồng;

+ Tường rào giữa nhà 3 tầng và tường rào phía Nam trên có lưới B40 trị giá 3.655.814 đồng;

+ Bể nước ngầm trị giá 2.921.804 đồng;

+ Sân lát gạch đỏ trị giá 20.018.250 đồng;

+ Cổng sắt 4 cánh trị giá 1.414.800 đồng;

+ 02 trụ cổng trị giá 111.475 đồng;

+ Tường rào cạnh cổng xây gạch trên có hoa sắt trị giá 2.399.861 đồng;

+ 03 cây cau cao trên 10m trị giá 1.260.000 đồng;

+ 02 cây cau lùn trị giá 600.000 đồng;

+ Công sức đổ đất tôn nền là 66.888.000 đồng.

Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2019/DSST ngày 20/6/2019, Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội. Quyết định:

"Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của ông Nguyễn Đình Châu đối với anh Nguyễn Đình Thông

Xác nhận quyền sử dụng đất 371,6m2 thuộc thửa số 159, tờ bản đồ 03 tại thôn Vực, Thanh Liệt, Thanh Trì, Hà Nội là tài sản chung của cụ Tuy, cụ Trọng.

Xác nhận công sức duy trì, quản lý, đóng thuế của gia đình anh Thông là 176,6m2 thuộc thửa số 159, tờ bản đồ 03 tại thôn Vực, Thanh Liệt, Thanh Trì, Hà Nội.

Xác nhận di sản của cụ Tuy, cụ Trọng còn lại là 195m2 có gía trị là 6.825.000.000đ thuộc thửa số 159, tờ bản đồ 03 tại thôn Vực, Thanh Liệt, Thanh Trì, Hà Nội.

Xác nhận thời điểm mở thửa kế của cụ Trọng là năm 1971, cụ Tuy là năm 2002.

Xác nhận Giấy thừa kế sử dụng đất đề ngày 10/6/1993 là giấy ủy quyền sử dụng đất của cụ Tuy, năm 2002 cụ Tuy chết việc ủy quyền sử dụng đất chấm dứt.

Xác nhận Di chúc cho đất thổ cư những người thừa kế đề ngày 22/02/2002 không có hiệu lực pháp luật

Xác nhận di sản thừa kế của cụ Trọng, cụ Tuy được chia theo pháp luật

Xác nhận hàng thừa kế thứ nhất của hai cụ là ông Châu, bà Thường, ông Thưởng (do anh Thông được hưởng thừa kế thế vị)

Xác nhận mỗi kỷ phần thừa kế là: 65m2 đất có giá trị là 2.275.000.000đ.

Ghi nhận việc nhường 10m2 đất tại kỷ phần của bà Thường cho ông Châu

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Chung, chị Yến nhường công sức quản lý, duy trì và xây dựng cho anh Thông.

Chia hiện vật cụ thể như sau:

- Chia ông Nguyễn Đình Châu quản lý, sở hữu, sử dụng Nhà lợp tôn có diện tích 41,3m2 có giá trị 35.385.179đ; sân gạch có giá trị 3.278.500đ, 2 cây cau cao >1m có giá trị 840.000đ và 01 cây cau lùn có giá trị 300.000đ và công sức tôn 65,8m2 nền trị giá 11.844.000đ trên diện tích 65,8m2đất có giá trị 2.303.000.000đ thuộc thửa số 159, tờ bản đồ 03, tại thôn Vực, Thanh Liệt, Thanh Trì, Hà Nội. Tổng gía trị tài sản ông Châu được chia là 2.354.647.679đ.

Ranh giới đất được chia cụ thể như sau:

+ Phía Đông giáp nhà ông Mậu và phần đất anh Thông được chia có các đoạn gấp khúc là 5,89m; 0,13m; 1,2m; 2,5m

+ Phía Tây giáp đất bà Thưởng được chia dài 9,61m

+ Phía Bắc giáp đất ông Huấn dài 0,14m; 6,72m

+ Phía Nam giáp ngõ đi chung dài 6,83m

- Chia bà Nguyễn Thị Thường được quản lý, sở hữu sử dụng tường hoa cao 30cm có giá trị 727.494đ; 12,6m2 mái tôn có giá 7.929.000đ; sân gạch có giá trị 4.436.100đ; 1 cây cau cao >10m, và 01 cây cau lùn có giá trị 720.000đ; tường rào trị giá 4.180.530đ; và công sức tôn 45,8m2 nền trị giá 8.244.000đ trên diện tích 45,8m2 có giá trị 1.603.000.000đ thuộc thửa số 159, tờ bản đồ 03, tại thôn Vực, Thanh Liệt, Thanh Trì, Hà Nội. Tổng gía trị tài sản bà Thường được chia là 1.629.237.124đ

Ranh giới đất được chia cụ thể như sau:

+ Phía Bắc giáp nhà ông Huấn dài 4,61m

+ Phía Nam giáp ngõ đi chung dài 5,04m

+ Phía Tây giáp phần đất anh Thông được chia dài 9,44m

+ Phía Đông giáp phần đất ông Châu được chia dài 9,61m

- Chia anh Thông quản lý, sở hữu, sử dụng Nhà lợp tôn trị giá 53.377.643đ, nhà 3 tầng trị giá 505.311.625đ; bể cảnh trị giá 4.207.402đ; sân trị giá 12.303.900đ; tường rào tổng trị giá 4.689.656đ; bể ngầm trị giá 2.921.807đ, công sức tôn tạo 181,8m2 đất giá trị 32.724.000đ trên diện tích đất181,8m2 có giá trị 6.363.000.000đ thuộc thửa số 159, tờ bản đồ 03, tại thôn Vực, Thanh Liệt, Thanh Trì, Hà Nội.

Có ranh giới như sau

+ Phía Bắc giáp nhà ông Huấn có các đoạn gấp khúc: 1,0m; 7,76m; 0,95m; 5,16m.

+ Phía Tây giáp nhà ông Huấn dài 10,92m

+ Phía Nam giáp nhà ông Hải có các đoạn gấp khúc 5,62m;0,72m;2,69m; 0,16m; 8,13m

+ Phía Đông giáp đất bà Thường được chia dài 12,16m

- Chia anh Thông quản lý, sở hữu sử dụng nhà lợp Proximang (cửa hàng may) có giá trị 11.303.881đ, sân bê tông có giá trị 4.185.000đ trên diện tích 54,2m2 có giá trị 1.897.000.000đ thuộc thửa số 159, tờ bản đồ 03, tại thôn Vực, Thanh Liệt, Thanh Trì, Hà Nội.

Có ranh giới như sau:

+ Phía Bắc giáp nhà ông Mậu có các đoạn gấp khúc 12,34m; 6,17m; 0,48m

+ Phía Tây giáp ngõ đi chung và phần đất ông Châu được chia dài 3,42m

+ Phía Nam giáp ngõ đi chung có các đoạn gấp khúc: 12,61m; 6,22m

-+Phía Đông giáp ngõ đi dài 2,1m

** Phần đất anh Thông, ông Châu, bà Thường được chia có ngõ đi chung diện tích 24m2 có tứ cận như sau:*

+ Phía Tây giáp đất anh Thông được chia dài 2,72m

+ Phía Đông giáp đất anh Thông được chia 0,92m và ngõ đi

+ Phía Bắc giáp đất ông Châu, bà Thường được chia dài 11,87m

+ Phía Nam giáp nhà anh Hải và lối đi có các đoạn gấp khúc 0,97m; 6,64m; 2,13m; 2,56m.

Buộc anh gia đình anh Thông phải dỡ bỏ bể lọc nước, 4 cánh cổng sắt, 2 trụ cổng, tường rào trên ngõ đi chung này.

Các đương sự có quyền kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo bản án có hiệu lực pháp luật

Ông Nguyễn Đình Châu phải thanh toán cho anh Nguyễn Đình Thông 14.997.906đ.

Anh Nguyễn Đình Thông phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Thường 10.297.452đ

Ông Châu, bà Thường, anh Thông khi dỡ bỏ các công trình phải đảm bảo các công trình còn lại sử dụng được"

……..

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ do chậm thi hành án, quyền thỏa thuận thi hành án, về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

***Không đồng ý với bản án này**.

Ngày 24/6/2019, anh Nguyễn Đình Thông là bị đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm số: 07/2019/DSST ngày 20/6/2019.

Ngày 24/6/2019, bà Chung, chị Hải Yến, anh Thắng, chị Phương, anh Thái là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo. Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm số 07/2019/DSST ngày 20/6/2019.

Ngày 03/7/2019, ông Nguyễn Đình Châu là nguyên đơn kháng cáo bản án sơ thẩm số: 07/2019/DSST ngày 20/6/2019. Với nội dung: Cấp sơ thẩm xác định công sức duy trì khối di sản và phân chia di sản cho anh Thông không phù hợp. Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại, phân chia 3 kỷ phần thừa kế bằng nhau.

Ngày 03/7/2019, bà Thường là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo bản án sơ thẩm số 07/2019/DSST ngày 20/6/2019. Với nội dung: Cấp sơ thẩm xác định công sức duy trì khối di sảnvà phân chia di sản cho anh Thông không phù hợp. Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại, phân chia 3 kỷ phần thừa kế bằng nhau.

Quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, anh Thông có đơn đề nghị bổ sung yêu cầu kháng cáo với nội dung: Xác định cụ Trọng, cụ Tuy có hai khối tài sản gồm thửa đất số 67, hiện đang do gia đình ông Châu quản lý và thửa đất số 159 hiện

đang do gia đình anh quản lý. Việc ông Châu trình bày thửa đất số 67 có nguồn gốc do ông Châu mua 136m^2 của bà Nguyễn Thị Nhuận (đã chết), mua của cụ Đặng Đình Tỵ (đã chết) 168m^2 và được bà Nguyễn Thị Thảo (đã chết) cho163m^2. Nhưng ông Châu không cung cấp được giấy tờ mua, nhận tặng hợp pháp nhưng cấp sơ thẩm không xác minh làm rõ lời khai của ông Châu. Khi kê khai đăng ký quyền sử dụng đất, ông Châu đã xác định nguồn gốc đất do "Cha ông để lại"; việc ông khai nguồn gốc đất do ông được tặng cho và mua được là không đúng. Cấp sơ thẩm không đối chất, không thu thập đầy đủ chứng cứ, bỏ sót di sản. Đề nghị cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm.

*** Tại phiên tòa**:

Nguyên đơn - Ông Châu giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và quan điểm kháng cáo. Trình bày quan điểm tranh luận: Cụ Trọng và cụ Tuy chỉ có và để lại duy nhất một khối di sản chung là thửa đất số 159 được UBND huyện Thanh Trì cấp "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" số C 044568 (*Sau đây viết tắt là*: GCNQSDĐ số C044568) ngày 05/9/1993 cho chủ sử dụng là cụ Vũ Thị Tuy. Hiện gia đình anh Thông quản lý và ông đề nghị chia thừa kế theo pháp luật khối di sản này. Ngoài ra cụ Tuy còn được phân chia riêng đất nông nghiệp hiện do gia đình anh Thông quản lý nhưng ông không đề nghị chia thừa kế. Thửa đất số 67 là của riêng ông được tặng cho và nhận chuyển nhượng hợp pháp; UBND huyện Thanh Trì cấp "Giấy chứng nhận quyền sủ dụng đất" số W 955617 (*Sau đây viết tắt là*: GCNQSDĐ số W 955617) ngày 07/8/2003 cho ông Nguyễn Đình Châu.

Luật sư Hiển bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày luận cứ: Cụ Trọng và cụ Tuy trước khi chết để lại hai khối di sản gồm: Thửa đất 67 diện tích 494m^2 hiện do gia đình ông Châu quản lý và thửa đất số 159 hiện do gia đình anh Thông quản lý. Do vậy cấp sơ thẩm chỉ phân chia di sản thừa kế là thửa đất số 159 là bỏ sót di sản. Cấp sơ thẩm không xác minh làm rõ các lời khai của ông Châu về nguồn gốc thửa đất số 67 và không tiến hành đối chất đối với những vấn đề còn mâu thuẫn về nguồn gốc thửa đất 67 là sai sót về nội dung và tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm.

Luật sư Lan nhất trí toàn bộ luận cứ do Luật sư Hiển trình bày nhưng bổ sung thêm: Căn cứ việc ông Châu kê khai khi xin cấp GCNQSDĐ thửa đất số 67 có nguồn gốc do "ông cha để lại" nên cần phải xác định thửa đất số 67 là di sản do cụ Tuy, cụ Trọng để lại; cấp sơ thẩm không hướng dẫn cho anh Thông phản tố yêu cầu chia khối di sản này là thiếu sót, tại cấp phúc thẩm anh Thông đề nghị phân chia khối di sản này là tình tiết mới. Xác định "Di chúc cho đất thổ cư những người thừa kế" ngày 22/02/2002 do cụ Tuy điểm chỉ không vi phạm Điều 652, 654 BLDS năm 2005 như nhận định của cấp sơ thẩm. Cấp sơ thẩm vi phạm về nội

dung và tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự hủy bản án sơ thẩm.

Bị đơn là anh Thông: Nhất trí toàn bộ với quan điểm trình bày của Luật sư.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Thường trình bày: Nhất trí toàn bộ quan điểm trình bày của ông Châu.

Anh Thông thừa kế quyền nghĩa vụ của bà Chung có quan điểm: Giữ nguyên quan điểm trình bày và yêu cầu kháng cáo của bà Chung khi còn sống.

Anh Nguyễn Đình Thắng nhất trí với quan điểm trình bày của anh Thông.

Chị Nguyễn Thị Hải Yến, chị Nguyễn Mai Phương, anh Nguyễn Đình Thái vắng mặt không gửi văn bản bổ sung ý kiến gì thêm.

Các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng:

-Thẩm phán, các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ và tiến hành đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Người kháng cáo nộp đơn kháng cáo và Biên lai nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong hạn luật định. Sau khi kháng cáo, bà Chung chết, cấp phúc thẩm đưa anh Thông kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Chung là đúng quy định tại Điều 74 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là: Chị Nguyễn Thị Hải Yến; chị Nguyễn Mai Phương; anh Nguyễn Đình Thái đều vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2. Căn cứ quy định Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị xét xử vắng mặt họ.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các đương sự. Áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Giành quyền khởi kiện đối với thửa đất số 67 cho anh Thông bằng vụ kiện dân sự khác khi anh có đủ căn cứ theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Cụ Trọng chết ngày 06/06/1971- thời điểm mở thừa kế là ngày cụ Trọng chết; cụ Tuy chết ngày 10/11/2002- thời điểm mở thừa kế là ngày cụ Tuy chết. Căn cứ khoản 1 Điều 623, điểm d khoản 1 Điều 688 BLDS 2015; khoản 4 Điều 4 Nghị quyết 02/2016/NQ-HĐTP ngày 30/6/2016 và Giải đáp số 01/GĐ-TANDTC ngày 05/01/2018 thì nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Tuy, cụ Trọng trong thời hiệu khởi kiện. Cấp sơ thẩm thụ lý vụ án đúng quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn xét xử sơ thẩm tuân thủ các quy định của bộ

luật tố tụng dân sự.

Người kháng cáo nộp đơn kháng cáo và Biên lai nộp tạm ứng án phí phúc thẩm trong hạn luật định. Xác định người kháng cáo đã thực hiện quyền kháng cáo hợp lệ.

Sau khi kháng cáo, bà Chung chết, cấp phúc thẩm đưa anh Thông (là người con duy nhất của bà Chung) tham gia tố tụng với tư cách người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Chung là đúng quy định tại Điều 74 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Hải Yến; chị Mai Phương; anh Thái đều vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về Nội dung:

2.1. Xét kháng cáo của bị đơn là anh Thông. Hội đồng xét xử thấy:

Thửa đất số 67 do UBND huyện Thanh Trì cấp GCNQSDĐ số W 955617 ngày 07/8/2003 cho chủ sử dụng là ông Nguyễn Đình Châu, hiện gia đình ông Châu đang quản lý. Mặc dù anh Thông cho rằng đó là tài sản do cụ Trọng, cụ Tuy để lại. Tuy nhiên, Tòa án đã có "Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ" yêu cầu anh Thông cung cấp các tài liệu chứng cứ về nguồn gốc thửa đất này, nhưng anh Thông không cung cấp được tài liệu, chứng cứ của Cơ quan có thẩm quyền xác định nguồn gốc thửa đất số 67 là của cụ Trọng, cụ Tuy; mà chỉ cung cấp được "Đơn xác nhận" của cụ Hân, cụ Toàn, cụ Thuận cùng với nội dung: "...*Thời gian đầu hai cụ và ba người con ở tại diện tích đất mà hiện nay gia đình ông Châu đang sinh sống..... Năm 1947.... cả nhà cụ Trọng đều đi tản cư kháng chiến. Năm 1954 trở về, tôi vẫn thấy gia đình gia đình cụ Trọng cụ Tuy sống trên diện tích đất mà hiện nay ông Châu đang sinh sống*.."..... " ...*Nay, gia đình ông Châu và gia đình anh Thông phát sinh tranh chấp về thừa kế. Tôi không rõ là tranh chấp những thừa kế những tài sản gì. Tôi chỉ khẳng định: Diện tích đất hiện nay ông Châu đang ở cùng gia đình ông Châu... là tài sản của cụ Trọng, cụ Tuy để lại*...". Với nội dung xác nhận như trên không có căn cứ pháp luật để xác định nguồn gốc thửa đất số 67 là của cụ Trọng, cụ Tuy để lại.

Tiến hành thu thập chứng cứ:

Tại "Biên bản làm việc" ngày 03/01/2020, cán bộ địa chính và UBND xã Thanh Liệt cung cấp: "...*Theo hồ sơ địa chính do UBND xã đang lưu giữ thì cụ Vũ Thị Tuy đứng tên thửa đất số 159... Ngoài ra không thể hiện cụ Vũ Thị Tuy và cụ Nguyễn Thuyết Trọng được cấp thửa đất nào khác..... Thửa đất số 67....theo GCNQSDĐ... mang tên Nguyễn Đình Châu. Ngoài ra không có tài liệu nào thể hiện cụ Tuy và cụ Trọng đứng tên tại thửa đất này*...";

Tại Công văn số 79/CNVPĐKĐĐHTT, Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội chi nhánh huyện Thanh Trì và các tài liệu cung cấp kèm theo xác định: Ông Châu

là chủ sử dụng thửa đất số 67 theo Sổ đăng ký ruộng đất xã Thanh Liệt, được cấp GCNQSDĐ số C 0044085ngày 05/9/1993; được cấp đổi lại GCNQSDĐ số W 955617 ngày 07/8/2003. Không có tài liệu nào thể hiện thửa đất này của cụ Trọng, cụ Tuy.

Ngoài ra cùng ngày 03/01/2020: Ông Đặng Đình Phúc (*con đẻ của cụ Đặng Đình Tỵ*) cung cấp với Tòa án: Trong diện tích đất mà ông Châu (Xuân) đang quản lý có phần đất cụ Tỵ bán cho ông Châu; ông Nguyễn Công Khang (*nhà đối diện thửa đất số 67*) cung cấp thửa đất này có nguồn gốc từ đời trước cụ Duyệt (*anh ruột cụ Trọng)* để lại, trong diện tích đất ông Châu đang quản lý có 01 phần diện tích ông Châu mua của con, cháu cụ Duyệt; ông Bùi Xuân Tưởng (*Bí thư chi bộ thôn Vực từ năm 1992 đến nay*) cung cấp: Nguồn gốc đất mà ông Châu (Xuân) đang quản lý có một phần của cụ cả Duyệt (*con cụ cả Duyệt là bà Nhuận*) để lại và có phần ông Châu mua lại của cụ Tỵ bố đẻ ông Phúc.

Với các tài liệu chứng cứ trên không có căn cứ xác định thửa đất số 67 là di sản của cụ Trọng, cụ Tuy để lại. Cấp sơ thẩm xác định thửa đất số 67 không phải là di sản của cụ Trọng, cụ Tuy để lại và không phân chia là có căn cứ pháp luật và không bỏ sót di sản. Nguyên đơn chỉ đề nghị giải quyết phân chia di sản thừa kế là thửa đất số 159, ngoài ra không có yêu cầu nào khác. Quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn, người liên quan đều không có yêu cầu phản tố hoặc yêu cầu độc lập. Căn cứ các Điều 188, 200, 201 BLTTDS 2015, cấp sơ thẩm chỉ có quyền xem xét trong phạm vi khởi kiện và trong phạm vi yêu cầu của đương sự theo quy định pháp luật.

Đối với việc anh Thông và người bảo vệ quyền lợi cho anh cho rằng nguồn gốc thửa đất số 67 còn nhiều mâu thuẫn nhưng cấp sơ thẩm không tiến hành đối chất. Tuy nhiên trong các "Biên bản Hòa giải" ngày 09/4/2019 (BL 118); ngày 23/4/2019 (BL 127); ngày 03/5/2019 (BL 135) đều ghi nhận "***Anh Thông xác nhận ngoài thửa đất anh đang quản lý sử dụng là của cụ Tuy để lại, ông bà nội anh không còn tài sản nào khác***". Thậm chí tại phiên tòa ngày 20/6/2019 Biên bản phiên tòa thể hiện: Phần bị đơn - anh Thông trình bày (BL 156) " *Khi còn sống cụ Trọng, cụ Tuy có thửa đất số 159*....."; phần chủ tọa hỏi bị đơn (BL 154) "Ngoài thửa đất các bên đang tranh chấp, cụ Tuy cụ Trọng còn thửa đất nào không ?", anh Thông trả lời "***Hai cụ không còn thửa đất nào***". Trong khi đó ông Châu, bà Thường đều xác định: Cụ Trọng và cụ Tuy chỉ để lại một khối di sản chung là thửa đất số 159. Như vậy cấp sơ thẩm không tiến hành đối chất là phù hợp với quy định tại Điều 100 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với việc anh Thông cho rằng thửa đất số 159 là do cha mẹ đẻ của cụ Tuy cho cụ Tuy nhưng không có bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh nên

không có căn cứ xem xét. Mặt khác nếu thửa đất số 159 có nguồn gốc do cụ Tuy được tặng cho hoặc nhận chuyển nhượng mà có thì sau khi cụ Tuy chết, vẫn là di sản do cụ Tuy để lại trước khi chết.

Đối với việc anh Thông, luật sư bảo vệ quyền lợi cho anh cho rằng thửa đất số 159 đã được cụ Tuy định đoạt tại "Giấy thừa kế sử dụng đất" ngày 10/6/1993 (UBND xã Thanh Liệt xác nhận ngày 28/7/1993). Cấp sơ thẩm xác định: Văn bản này thể hiện cụ Tuy ủy quyền cho cháu nội là anh Thông được thay mặt cụ sử dụng đất; không phải định đoạt quyền sử dụng đất. Ngày 10/11/2002, cụ Tuy chết nên việc ủy quyền của cụ Tuy cho anh Thông đã chấm dứt theo quy định tại khoản 4 Điều 589 BLDSnăm 2005 là có căn cứ.

Đối với "Di chúc cho đất thổ cư những người thừa kế" ngày 22/02/2002 do cụ Tuy điểm chỉ có hai người làm chứng là ông Bùi Xuân Tưởng, bà Nguyễn Thị Chiêu và hai người được hưởng thừa kế là ông Châu và bà Thường ký. Bà Chiêu đã chết (trước khi Tòa án thụ lý vụ án). Căn cứ "Đơn trình bày" ngày 20/12/2018 của ông Bùi Xuân Tưởng là người làm chứng (còn sống); cấp sơ thẩm nhận định "Di chúc cho đất thổ cư những người thừa kế" ngày 22/02/2002 không có giá trị pháp lý là có căn cứ quy định tại Điều 652, 654 BLDS năm 2005 và Điều 634 Bộ luật dân sự năm 2015.

Cấp sơ thẩm xác định về thời điểm mở thừa kế, hàng, diện thừa kế, người thừa kế đúng quy định các Điều: 611, 613, 649,650,651,652 BLDS năm 2015.

Về di sản thừa kế: Các đương sự thừa nhận bà Chung và gia đình anh Thông là người có công sức duy trì, quản lý, đóng thuế và phát triển các tài sản trên thửa đất số 159. Bà Chung, chị Yến đều đề nghị để lại phần công sức của họ cho anh Thông nên xác định toàn bộ công sức duy trì, quản lý, đóng thuế và phát triển các tài sản trên đất là của anh Thông. Cấp sơ thẩm trích phần công sức duy trì, quản lý, đóng thuế cho anh Thông tương đương 176,6m^2 đất (Các tài sản trên đất là của anh Thông) là phù hợp với với quy định tại điểm c khoản 2 và khoản 3 Điều 618 Bộ luật dân sự. Di sản của cụ Tuy, cụ Trọng các đương sự đều xác định thửa đất số 159 theo số đo thực tế là 371,6m^2 nên di sản của 02 cụ sau khi trừ công sức duy trì, đóng thuế còn lại là 371,6m^2 - 176,6m^2 = 195m^2 đất. Cấp sơ thẩm chia cho 03 kỷ phần, mỗi kỷ phần được hưởng giá trị tương ứng 65m^2đất và ghi nhận sự tự nguyện của bà Thường cho ông Châu 10m^2 đất trong kỷ phần mà bà được hưởng là phù hợp với pháp luật.

Đối với việc anh Thông tự nguyện biếu ông Châu, bà Thường mỗi người 100.000.000 đồng nhưng ông Châu, bà Thường không đồng ý nên không có cơ sở công nhận sự tự nguyện của anh Thông.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận

kháng cáo của bị đơn là anh Thông.

2.2. Xét kháng cáo của nguyên đơn:

Việc cấp sơ thẩm xác định: "*.... công sức duy trì, quản lý, đóng thuế của gia đình anh Thông là 176,6m2 thuộc thửa số 159....*" là phù hợp với quy định tại điểm c khoản 2 và khoản 3 Điều 618 Bộ luật dân sự. Nguyên đơn kháng cáo cho rằng việc tính công sức duy trì, quản lý, đóng thuế là quá lớn; Việc phân chia di sản không công bằng nhưng không xuất trình được bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật như nhận định tại điểm 2.1 nêu trên nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

2.3. Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

2.3.1. Đối với kháng cáo của bà Thường. Như nhận định tại điểm 2.2. nêu trên. Bà Thường không xuất trình được bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.3.2. Xét kháng cáo của bà Chung do anh Thông là người kế thừa quyền và nghĩa vụ; kháng cáo của chị Hải Yến, anh Thắng; chị Mai Phương; anh Thái. Như nhận định tại điểm 2.1 và 2.2; Hội đồng xét xử đã xem xét, phân tích và nhận định về toàn bộ bản án sơ thẩm, có đủ căn cứ xác định bản án sơ thẩm đã được cấp sơ thẩm đánh giá toàn diện khách quan và đúng quy định pháp luật; cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Chung do anh Thông là người kế thừa quyền, nghĩa vụ và của chị Yến, anh Thắng, anh Thái, chị Mai Phương.

2.4. Quan điểm của Hội đồng xét xử.

Như nhận định tại điểm 2.1; 2.2; 2.3 nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các đương sự. Cấp sơ thẩm đã đánh giá và giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật. Giữ nguyên cách chia di sản thừa kế như cấp sơ thẩm đã phân chia. Cụ thể;

Di sản của cụ Tuy, cụ Trọng còn lại là 195m^2 đất tại thửa đất số 159 chia cho 03 người được thừa kế di sản của hai cụ là ông Châu (Xuân), bà Thường và ông Thưởng do anh Thông thừa kế thế vị; mỗi kỷ phần được hưởng giá trị tương ứng 65m^2 đất và ghi nhận sự tự nguyện của bà Thường cho ông Châu 10m^2 đất trong kỷ phần mà bà được hưởng.

Kỷ phần ông Châu được hưởng và nhận từ kỷ phần bà Thường cho 10m^2 đất trị giá bằng tiền là 2.625.000.000đồng.

Kỷ phần bà Thường được hưởng còn lại (sau khi đã cho ông Châu 10m^2 đất) trị giá bằng tiền là 1.925.000.000 đồng

Kỷ phần anh Thông được hưởng thừa kế thế vị và nhận phần công sức duy trì, quản lý, đóng thuế đất trị giá bằng tiền là 8.456.000.000đồng.

* Chia hiện vật:

- Chia phần diện tích 24m^2 (trị giá 840.000.000 đồng) giới hạn bởi các điểm 21,27,28,29,30,18,19,20,21 trong sơ đồ làm lối đi chung cho anh Thông, ông Châu, bà Thường cùng sử dụng chung. Trên ngõ đi có các công trình do anh Thông xây dựng giá trị là 10.700.454 đồng; ông Châu, bà Thường mỗi người có trách nhiệm thanh toán cho anh Thông 5.350.227 đồng. Gia đình anh Thông tháo dỡ toàn bộ các công trình đã đi xây dựng trên lối đi chung.

- Chia cho ông Châu được quản lý, sử dụng diện tích 65,8m^2 đất giới hạn bởi các điểm 6,7,8,10,11,29,28,6 theo sơ đồ và các tài sản trên đất gồm: Nhà lợp tôn; sân gạch; 02 cây cau cao trên 10m; 01 cây cau lùn; giá trị phần tôn nền của 65,8m^2 đất và được sử dụng phần ngõ đi chung. Tổng giá trị hiện vật ông Châu được chia trị giá bằng tiền là 2.634.647.679 đồng và phải thanh toán 5.350.227 đồng giá trị công trình trên ngõ đi chung. Đối chiếu với kỷ phần ông Châu được nhận (trị giá 2.625.000.000đồng)thì ông Châu được giao nhiều hơn 14.997.906 đồng, do vậy cần buộc ông Châu phải thanh toán lại khoản chênh lệch này.

- Chia cho bà Thường được quản lý, sử dụng diện tích 45,8m^2 đất giới hạn bởi các điểm 5,6,28,27,5 theo sơ đồ và các tài sản trên đất gồm: Tường hoa, mái vảy lợp tôn, sân gạch, 01 cây cau cao trên 10m, 01 cây cau lùn, tường rào, giá trị tôn nền của 45,8m^2 đất và được sử dụng ngõ đi chung. Tổng giá trị hiện vật bà Thường được chia bằng hiện vật trị giá bằng tiền là 1.909.237.124 đồng và phải thanh toán 5.350.227 đồng giá trị công trình trên ngõ đi chung. Đối chiếu với kỷ phần được hưởng (trị giá 1.925.000.000 đồng) bà Thường còn thiếu và được thanh toán lại 10.412.649 đồng.

- Ghi nhận sự tự nguyện nhường công sức quản lý, duy trì, tôn tạo, xây dựng của bà Chung, chị Yến cho anh Thông.

Chia cho anh Thông (là người thế vị kỷ phần của ông Thưởng) quản lý, sở hữu, sử dụng hai phần đất gồm: Diện tích 181,2m^2 đất giới hạn bởi các điểm 1,26,25,24,23,22, 21,27,5,4,3,2,1 theo sơ đồ cùng các tài sản trên diện tích đất này gồm: Nhà 3 tầng, nhà lợp tôn, bể cảnh, sân, tường rào, bể ngầm, giá trị tôn nền của 181,8m^2 đất; diện tích 54,2m^2 đất giới hạn bởi các điểm 14,13,12,11,29,30,17, 16,15,14 theo sơ đồ cùng cùng tài sản trên đất gồm: Nhà lợp proximang, sân bê tông trên phần diện tích đất này và được sử dụng ngõ đi chung. Ngoài phần tài sản trên đất của anh Thông phát triển trên phần đất giao cho anh Thông thì giá trị phần tài sản bằng hiện vật (gồm: *kỷ phần thừa kế; công sức duy trì, đóng thuế đất; được thanh toán giá trị phần tài sản phát triển trên đất chia cho ông Châu và bà Thường; giá trị phần tài sản trên ngõ đi chung phải tháo dỡ*) anh Thông được giao trị giá là 8.451.414.743 đồng. Đối chiếu với kỷ phần anh Thông được hưởng thừa

kế thế vị và được thanh toán (giá trị 8.456.000.000đồng) thì anh Thông còn thiếu và được thanh toán 4.585.257 đồng.

Tuy nhiên cách tuyên về chia hiện vật cho các đương sự không nêu các điểm mốc, giới của từng phần đất giao cho các đương sự theo sơ đồ kèm theo bản án là khó khăn trong việc thi hành án. Cần bổ sung các điểm mốc, giới của từng phần đất phân chia cho các đương sự trong quyết định của bản án.

Như nhận định về cách chia hiện vật nêu trên. Xác định ông Châu là người được nhận phần tài sản có giá trị lớn hơn phần thực hưởng là 14.997.906 đồng; bà Thường được thanh toán 10.412.649 đồng; anh Thông được thanh toán 4.585.257 đồng. Cấp sơ thẩm tuyên: "*Ông Nguyễn Đình Châu phải thanh toán cho anh Nguyễn Đình Thông 14.997.906đ. Anh Nguyễn Đình Thông phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Thường 10.297.452đ*" . Có nghĩa là ông Châu thanh toán toàn bộ phần chênh lệch cho anh Thông, sau đó anh Thông lại thanh toán lại cho bà Thường là không chính xác và không phù hợp mà cần sửa như sau: Buộc ông Châu phải thanh toán chênh lệch tài sản trả: Bà Thường 10.412.649 đồng, anh Thông 4.585.257 đồng cho chính xác và phù hợp.

Từ những nhận định trên và quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các đương sự. Giữ nguyên nội dung bản án; sửa lại cách tuyên tại phần quyết định của bản án sơ thẩm số: 07/2019/DSST ngày 20/6/2019 của TAND huyện Thanh Trì

[3]. Án phí:

- Giữ nguyên về án phí án sơ thẩm như án sơ thẩm đã tuyên.

- Do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được hoàn lại tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 147; Điều 148 và khoản 1,2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 589, 652, 654 Bộ luật Dân sự năm 2005; Các Điều: 611, 612,613, 618,623, 651, 652 và Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14; Điều 2 Luật người cao tuổi.

Xử:

Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Đình Thông, bà Nguyễn Thị Chung, chị Nguyễn Thị Hải Yến, anh Nguyễn Đình Thắng, chị Nguyễn Mai Phương, anh Nguyễn Đình Thái, ông Nguyễn Đình Châu (Xuân), bà Nguyễn Thị

Thường. Giữ nguyên nội dung bản án thẩm số: 07/2019/DSST ngày 20/6/2019 của TAND huyện Thanh Trì; sửa lại cách tuyên tại phần quyết định của bản án. Cụ thể:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế do cụ Nguyễn Thuyết Trọng và cụ Vũ Thị Tuy để lại theo pháp luật của ông Nguyễn Đình Châu (Xuân).

1.1. Xác định cụ Nguyễn Thuyết Trọng chết ngày 06/06/1971 - thời điểm mở thừa kế là ngày cụ Trọng chết; cụ Vũ Thị Tuy chết ngày 10/11/2002 - thời điểm mở thừa kế là ngày cụ Tuy chết. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Trọng, cụ Tuy là: Ông Nguyễn Đình Châu (Xuân); bà Nguyễn Thị Thường và ông Nguyễn Đình Thưởng do anh Nguyễn Đình Thông thừa kế thế vị.

1.2. Xác nhận: Thửa đất 159, tờ bản đồ 3, diện tích thực tế là 371,6m^2 tại: Thôn Vực, xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội theo GCNQSDĐ số C044568 do UBND huyện Thanh Trì cấp cho chủ sử dụng là cụ Vũ Thị Tuy là di sản của cụ Nguyễn Thuyết Trọng và cụ Vũ Thị Tuy để lại. Xác định anh Nguyễn Đình Thông được thanh toán công sức duy trì, quản lý và đóng thuế đối với di sản của cụ Trong, cụ Tuy là quyền sử dụng 176,6m^2 đất thuộc thửa đất số 159. Xác nhận di sản thừa kế của cụ Trong, cụ Tuy còn lại là quyền sử dụng 195m^2 đất thuộc thửa đất số 159, trị giá thành tiền 6.825.000.000 đồng.

Xác định "Giấy thừa kế sử dụng đất" ngày 10/6/1993 là giấy ủy quyền sử dụng đất đã chấm dứt do bên ủy đã chết; "Di chúc cho đất thổ cư những người thừa kế" ngày 22/02/2002 không phát sinh hiệu lực pháp luật.

2. Chia di sản thừa kế của cụ Trong, cụ Tuy còn lại là quyền sử dụng 195m^2 đất thuộc thửa đất số 159, trị giá thành tiền 6.825.000.000 đồng theo pháp luật.

2.1. Chia theo kỷ phần:

2.1.1. Chia cho ông Nguyễn Đình Châu (Xuân); bà Nguyễn Thị Thường và ông Nguyễn Đình Thưởng do anh Nguyễn Đình Thông thừa kế thế vị. Mỗi kỷ phần được hưởng là quyền sử dụng 65m^2 đất thuộc thửa đất số 159 trị giá thành tiền là 2.275.000.000 đồng.

2.1.2. Ghi nhận việc bà Nguyễn Thị Thường tự nguyện cho ông Nguyễn Đình Châu (Xuân) giá trị quyền sử dụng 10m^2 đất trong kỷ phần bà được hưởng;

2.1.3. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Chung, chị Nguyễn Thị Hải Yến giao lại quyền lợi về công sức quản lý, duy trì và xây dựng phát triển khối di sản thừa kế cho anh Nguyễn Đình Thông.

2.2. Chia bằng hiện vật.

2.2.1. Chia phần diện tích đất 24m^2 giới hạn bởi các điểm 21,27,28,29,30, 18,19,20,21 (sơ đồ kèm theo bản án) làm lối đi chung cho anh Thông, ông Châu, bà Thường cùng sử dụng chung. Trên ngõ đi có các công trình do anh Thông xây dựng gồm: Bể lọc nước, 4 cánh cổng sắt, 2 trụ cổng, tường rào và công sức tôn

nền; buộc anh Thông phải tháo dỡ di dời toàn bộ các công trình đã xây dựng trên lối đi chung.

2.2.2. Chia (giao) cho ông Nguyễn Đình Châu (Xuân) được quyền quản lý, sử dụng 65,8m^2 đất giới hạn bởi các điểm 6,7,8,10,11,29,28,6 (sơ đồ kèm theo bản án); được sở hữu các tài sản trên đất gồm: Nhà lợp tôn, sân gạch, 02 cây cau cao trên 10m, 01 cây cau lùn, giá trị phần tôn nền của 65,8m^2 đất và được sử dụng phần ngõ đi chung đã được xác định tại điểm 2.2.1 của Quyết định.

2.2.3. Chia (giao) cho bà Nguyễn Thị Thường được quản lý, sử dụng diện tích 45,8m^2 đất giới hạn bởi các điểm 5,6,28,27,5 (sơ đồ kèm theo bản án); được sở hữu các tài sản trên đất gồm: Tường hoa, mái vảy lợp tôn, sân gạch, 01 cây cau cao trên 10m, 01 cây cau lùn, tường rào, giá trị tôn nền của 45,8m^2 đất và được sử dụng ngõ đi chung đã được xác định tại điểm 2.2.1 của Quyết định.

2.2.4. Chia (giao) anh Nguyễn Đình Thông được quản lý, sử dụng, sở hữu hai phần đất và các tài sản trên đất gồm: Phần đất thứ nhất là diện tích 181,2m^2 đất giới hạn bởi các điểm 1,26,25,24,23,22, 21,27,5,4,3,2,1 (sơ đồ kèm theo bản án) cùng các tài sản trên diện tích đất này gồm: Nhà 3 tầng, nhà lợp tôn, bể cảnh, sân, tường rào, bể ngầm, giá trị tôn nền của 181,8m^2 đất; phần đất thứ hai là diện tích 54,2m^2 đất giới hạn bởi các điểm 14,13,12,11,29,30,17, 16,15,14 (sơ đồ kèm theo bản án) cùng các tài sản trên đất gồm: Nhà lợp proximang, sân bê tông trên phần diện tích đất này và được sử dụng ngõ đi chung đã được xác định tại điểm 2.2.1 của Quyết định.

2.2.5. Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật; người được giao quản lý, sử dụng đất tại các điểm: 2.2.1; 2.2.2; 2.2.3; 2.2.4 tại Quyết định nêu trên có quyền chủ động đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký và đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; quyền sở hữu tài sản theo Quyết định của bản án và theo quy định của pháp luật.

2.3. Nghĩa vụ thanh toán chênh lệch tài sản

2.3.1. Buộc ông Nguyễn Đình Châu (Xuân) phải thanh toán trả bà Nguyễn Thị Thường 10.412.649 (*Mười triệu, bốn trăm mười hai nghìn, sáu trăm bốn mươi chín*) đồng, tiền chênh lệch tài sản.

2.3.2. Buộc ông Nguyễn Đình Châu (Xuân) phải thanh toán trả anh Nguyễn Đình Thông 4.585.257 (*Bốn triệu, năm trăm tám mươi năm nghìn, hai trăm năm mươi bảy*) đồng, tiền chênh lệch tài sản.

2.3.3. Kể từ khi người được thi hành án nộp đơn yêu cầu thi hành án. Nếu người bị thi hành án chưa thanh toán xong khoản tiền phải thanh toán thì còn phải chịu lãi theo mức lãi suất 10%/năm đối với số tiền còn nợ theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Đình Châu (Xuân), bà Nguyễn Thị Thường, anh Nguyễn Đình Thông được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Án phí phúc thẩm: Các đương sự kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả: Chị Nguyễn Thị Hải Yến, anh Nguyễn Đình Thắng, chị Nguyễn Mai Phương, anh Nguyễn Đình Thái mỗi người 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo các "Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án" các số 8936, 8938, 8939, 8937 cùng ngày 24/6/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Trì.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai, phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tòa tuyên án./.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND Tp. Hà Nội;*
- *TAND huyện Thanh Trì;*
- *Chi cục THADS huyện Thanh Trì;*
- *Lưu HS/VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Minh Hoàng